

Số: /2024/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính

sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng...năm 2024.

2. Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế kèm theo Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý và sử dụng nguồn vốn Ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Ngân hàng Nhà nước (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện (sau đây viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo, các đối tượng chính sách khác; doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH cho vay các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương bổ sung hàng năm theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay của các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này từ nguồn vốn địa phương ủy thác, được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 5 Điều 10 Quy chế này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp

1. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền cho Phòng Tài chính - Kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện.

Điều 4. Lập dự toán, phân bổ và quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí, bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách các cấp

1. Lập dự toán

Căn cứ mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, mục tiêu thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hàng năm và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Hàng năm vào cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước.

a) Đối với cấp tỉnh: Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh báo cáo tình hình thực hiện cho vay 06 tháng đầu năm, dự kiến cả năm và xây dựng dự toán gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách địa phương, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

b) Đối với cấp huyện: Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo tình hình thực hiện cho vay 06 tháng đầu năm, dự kiến cả năm và xây dựng dự toán gửi phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện bổ sung nguồn ngân sách cấp huyện ủy thác qua phòng Giao dịch NHCSXH huyện theo khả năng cân đối ngân sách địa phương, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Phân bổ nguồn vốn ủy thác

a) Cấp tỉnh: Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ nguồn vốn vay cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, chi tiết theo đối tượng vay, chương trình vay.

b) Cấp huyện: Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê

duyet kế hoạch phân bổ nguồn vốn vay cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chi tiết theo đối tượng vay, chương trình vay.

3. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật, hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc nhà nước; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng được vay vốn

1. Các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay được sử dụng vào các nội dung quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ, quy định tại điểm a khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội và theo quy định của cấp có thẩm quyền từng thời kỳ.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay (nếu có)

1. Mức cho vay

a) Đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác thực hiện theo quy định từng thời kỳ của NHCSXH đối với từng đối tượng cho vay. Trường hợp có quy định khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Đối với đối tượng tại điểm b khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15, thực hiện như sau:

b1) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mức cho vay tối đa là 60% tổng mức đầu tư của dự án nhưng không quá 2 tỷ đồng/dự án (*Khi đáp ứng điều kiện vay theo quy định của NHCSXH và quy định: Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, thu hút thêm lao động và việc làm ổn định; Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án; Có bảo đảm tiền vay*).

b2) Đối tượng còn lại (*cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình....*) được vay vốn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay không quá 120 tháng (*10 năm*). Thời hạn cho vay cụ thể căn cứ quy định của Chính phủ về thời hạn vay vốn đối với từng đối tượng, nguồn vốn, chu kỳ sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn.

3. Lãi suất cho vay

a) Đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia: Lãi suất cho vay bằng lãi suất vay vốn đối với từng đối tượng theo từng thời kỳ của Ngân hàng chính sách xã hội do Thủ tướng Chính phủ quy định.

b) Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo: Lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ cận nghèo theo quy định pháp luật về tín dụng đối với hộ cận nghèo.

4. Quy trình thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay (nếu có): Chi nhánh NHCSXH tỉnh Lai Châu, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ vay vốn, đảm bảo cho vay đúng đối tượng, đúng quy định.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Thẩm quyền gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn: Chi nhánh NHCSXH tỉnh Lai Châu, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện xem xét, quyết định gia hạn nợ theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ phù hợp với nguồn vốn do ngân sách địa phương ủy thác theo phân cấp ngân sách.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

3. Định kỳ 06 tháng, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Lai Châu, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình gia hạn nợ trong báo cáo quản lý sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác gửi cơ quan Tài chính cùng cấp theo dõi và tổng hợp.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh Lai Châu, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn

vốn ngân sách địa phương ủy thác vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCS tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, bổ sung từ ngân sách địa phương để xử lý.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích 10% số tiền lãi thu được, trong đó: 5% cho công tác chỉ đạo điều hành, quản lý, thanh tra, kiểm tra giám sát, hội họp, chi hội nghị sơ kết, tổng kết...; 5% dành cho công tác thi đua khen thưởng (đối với nguồn vốn ủy thác của Ủy ban nhân dân tỉnh, thì cấp tỉnh sử dụng 40%, chuyển cho cấp huyện 60%); Giao cho NHCSXH quản lý và chi theo chế độ do NHCSXH quy định.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi:

a) Chi tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết hoạt động ủy thác vốn cho vay qua NHCSXH cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Chi công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Thực hiện theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định

về chi cho hoạt động có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

c) Chi hội nghị tập huấn nghiệp vụ hoạt động ủy thác vốn cho vay qua NHCSXH cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND; Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022.

d) Chi văn phòng phẩm, in tài liệu triển khai các nhiệm vụ liên quan hoạt động ủy thác vốn cho vay. Mức chi căn cứ vào khối lượng công việc thực tế và hóa đơn, chứng từ chi tiêu theo quy định.

đ) Chi kiểm tra, giám sát công tác hoạt động ủy thác vốn cho vay qua NHCSXH cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định về công tác phí tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

e) Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác quản lý vốn cho vay; chủ dự án, người vay vốn sử dụng hiệu quả vốn vay. Mức chi theo quy định tại Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH từng thời kỳ.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý rủi ro

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xem xét xử lý nợ bị rủi ro đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh

NHCSXH tỉnh, sau khi có ý kiến của các thành viên Ban đại diện hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh bằng văn bản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xem xét xử lý nợ bị rủi ro đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác trên cơ sở đề xuất của Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện sau khi có ý kiến thành viên Ban đại diện hội đồng quản trị NHCSXH huyện bằng văn bản.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro

a) Đối với các khoản nợ vay từ nguồn vốn vay ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng cấp tỉnh đã được Chi nhánh NHCSXH tỉnh trích lập và quản lý theo quy định.

b) Đối với các khoản nợ vay từ nguồn vốn vay ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng cấp huyện đã được phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện trích lập và quản lý theo quy định.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro

a) Cấp tỉnh: Chi nhánh NHCSXH tỉnh tổng hợp đề xuất gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

b) Cấp huyện: Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện tổng hợp đề xuất gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, trình Hội đồng nhân dân cấp huyện bổ sung ngân sách cho phòng giao dịch NHCSXH cấp để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

Trước ngày 10/7 (báo cáo 6 tháng) và ngày 10/1 của năm tiếp theo (báo cáo năm) hoặc theo yêu cầu đột xuất, NHCSXH các cấp thực hiện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân cùng cấp, cơ quan Tài chính, Kế hoạch và cơ quan Lao động thương binh xã hội cùng cấp.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của NHCSXH.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. NHCSXH các cấp

a) Ký hợp đồng ủy thác với cơ quan Tài chính.

b) Hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, điều kiện vay vốn, định kỳ trả nợ, thu lãi, xử lý nợ đến hạn, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, theo quy định hiện hành của NHCSXH và phù hợp thực tế địa phương. Công khai quy định về lãi suất vay của từng đối tượng được vay vốn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.

c) Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác, cho vay đúng đối tượng, đúng quy định, đúng kế hoạch phân bổ vốn vay cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo sử dụng hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn được ủy thác quản lý.

d) Theo dõi nguồn vốn ủy thác chi tiết ngân sách địa phương theo phân cấp, chi tiết từng địa bàn, tổ chức thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tín dụng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

đ) Thẩm định theo quy định các hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, tổng hợp xin ý kiến thành viên Ban đại diện, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định xử lý nợ bị rủi ro cho vay từ nguồn ngân sách ủy thác theo phân cấp.

e) Thực hiện chế độ báo cáo, phối hợp các cơ quan liên quan theo quy định.

2. Cơ quan Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bổ sung nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH cho vay theo quy định.

b) Chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH theo Hợp đồng ủy thác giữa cơ quan Tài chính và NHCSXH nơi nhận ủy thác.

c) Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí ủy thác. Thực hiện việc quyết toán nguồn kinh phí ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH theo quy định của Luật Ngân sách và văn bản hướng dẫn.

3. Sở Kế hoạch và đầu tư

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan xem xét, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư; phối hợp Ngân hàng chính sách xã hội và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí ủy thác.

4. Cơ quan Lao động thương binh xã hội các cấp

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với các chương trình, đề án về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn gắn với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án, lựa chọn ngành nghề, hướng dẫn thị trường với việc sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay.

b) Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

5. Ngân hàng Nhà nước tỉnh

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với hoạt động của NHCSXH, góp phần nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội.

b) Phối hợp kiểm tra giám sát quản lý sử dụng nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

6. Cơ quan Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các cấp

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với các chương trình, dự án sản xuất – kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, lựa chọn cây trồng, vật nuôi, các chương trình chuyển giao công nghệ gắn với hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

b) Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

7. Cơ quan Dân tộc các cấp

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

8. Cơ quan Công an các cấp

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, ngăn chặn, xử lý nghiêm các cá nhân, cơ sở tổ chức hoạt động “tín dụng đen”; cơ sở kinh doanh cầm đồ và các cơ sở kinh doanh có nghi vấn hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh; xử lý những biển hiệu, biển quảng cáo có liên quan đến “tín dụng đen” vi phạm quy định về quảng cáo và Luật các tổ chức tín dụng. Trên cơ sở kiểm tra, xử lý, đề xuất cơ quan chức năng thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các cơ sở kinh doanh có liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” hoặc vi phạm các quy định trong hoạt động kinh doanh.

b) Hàng năm cùng vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, chủ trì rà soát, tổng hợp đối tượng vay vốn đối với người chấp hành xong án phạt tù và cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù gửi NHCSXH tổng hợp.

9. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo các văn bản và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

10. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Chỉ đạo, tổ chức triển khai quy định theo phân cấp và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện và thực hiện chế độ báo cáo, tổng hợp theo quy định.

b) Trình Hội đồng nhân dân cấp huyện cân đối ngân sách cấp huyện bổ sung nguồn vốn ủy thác cho vay các đối tượng tại địa phương.

11. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ì, nợ quá hạn.... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

12. Xử lý vướng mắc

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về NHCSXH, Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, tổng hợp, thống nhất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo quy định./.